

Bản án số: 08/2024/HSPT-CTN

Ngày: 24-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang;

Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Út Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 07/2024/TLPT-HS-CTN ngày 28 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo Lâm Thị S, Uôn B, Lê Văn Q, Lê Hoàng Đăng K do có kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo:

1. **Lâm Thị S**, sinh năm: 1983; tại: tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp BC, xã BG, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; con ông Lâm Hoàng T, sinh năm 1953 và bà Phan Thị T, sinh năm 1956; chồng: Võ Thành T, sinh năm 1981; con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 27/8/2023 cho đến nay; có mặt.

2. **Uôn B**, sinh ngày: 17/3/2007 (tính đến ngày phạm tội bị cáo có độ tuổi là 16 tuổi 03 tháng 08 ngày); tại: Campuchia; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp HP, xã HT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:

Khome; tôn giáo: không; con ông Lâm Văn T, sinh năm 1986 và bà Uôn Xâm A, sinh năm 1990; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 05/12/2022 bị Công an xã BG, huyện CT, tỉnh Tây Ninh phạt “Cảnh cáo” về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đủ thời hạn được xem chưa bị xử phạt Vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 27/8/2023 cho đến nay; có mặt.

3. **Lê Văn Q**, sinh ngày 26/10/2006 (tính đến ngày phạm tội bị cáo có độ tuổi là 16 tuổi 07 tháng 29 ngày); tại: tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp BC, xã BG, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Bích C, sinh năm 1982; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 27/8/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trong vụ án “Buôn bán hàng cấm”; có mặt.

4. **Lê Hoàng Đăng K**, sinh ngày 14/01/2006 (tính đến ngày phạm tội bị cáo có độ tuổi là 17 tuổi 05 tháng 11 ngày); tại: tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp HT, xã HT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Hoàng A, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 27/8/2023 cho đến nay; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Uôn B*: Ông Lâm Văn T (cha bị cáo), sinh năm: 1986 và bà Uôn Xâm A (mẹ bị cáo), sinh năm: 1990; cùng trú tại: Ấp HP, xã HT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn Q*: Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1980 (cha bị cáo); cư trú tại: Ấp BC, xã BG, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng Đăng K*: Ông Lê Hoàng A, sinh năm: 1985 (cha bị cáo); cư trú tại: Ấp HT, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh và bà Nguyễn Thị Thu (mẹ bị cáo), sinh năm: 1986; cư trú tại: Ấp HT, xã HT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Uôn B, Lê Văn Q*: Bà Trần Thị Cẩm V - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng Đăng K*: Bà Lê Nguyễn Kim H –

Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Trong vụ án này còn có các bị cáo khác, bị hại không kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như Sau:

Lâm Thị S làm công nhân tại Công ty khu Công nghiệp PD thuộc huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Hằng ngày, S được xe buýt của công ty đưa rước. Khi đi trên xe buýt, Lâm Thị S cho rằng tài xế xe buýt biển số 70B-017.28 là anh Nguyễn Quang K, sinh năm 1977, ngụ ấp Thuận Tâm, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nói chuyện cộc cằn với người đi xe, hay mở đèn gây khó ngủ trên xe. Từ đó, Lâm Thị S muốn đánh để cho anh Khánh không còn điều khiển xe được và đổi tài xế khác. Trưa ngày 25/6/2023, Lâm Thị S gọi thoại qua mạng xã hội Zalo cho Uôn B là người cháu gọi S bằng cô, S kêu Uôn B kêu thêm 2- 3 người nữa đến bãi xe buýt, đánh tài xế chạy xe buýt biển số 70B-017.28. Uôn B đi đến bến xe buýt công nhân tại khu vực ấp HP, xã HT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh để tìm tài xế xe buýt hỏi chuyện gây khó khăn cho công nhân đi xe, NH không gặp được tài xế nên đi về.

Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, Uôn B gọi điện thoại cho Lê Văn Q, Uôn B kêu Lê Văn Q đi đánh tài xế xe buýt và thỏa thuận trả công cho Q số tiền 2.000.000 đồng, Q đồng ý. Đến khoảng gần 19 giờ 00 cùng ngày, Lê Văn Q, Nguyễn Khánh H và Nguyễn B T tổ chức uống rượu, Q kêu H và T ra ngoài nói việc tham gia đánh tài xế, Q sẽ cho tiền NH không nói rõ bao nhiêu tiền, H và T đồng ý tham gia cùng Q. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, Uôn B và Lâm Thị S đang đi làm tại Công ty khu Công nghiệp PD thuộc huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Lâm Thị S tiếp tục gọi điện thoại cho Uôn B kêu về đánh tài xế, S hứa với Uôn B khi nào đánh xong S sẽ đãi ăn, uống bia, B đồng ý. Su khi nhận lời, Uôn B xin nghỉ làm và đi về, trên đường về Uôn B điện thoại cho Lê Văn Q kêu chuẩn bị đi đánh tài xế và hẹn gặp nhau tại chợ xã BG. Su đó, Nguyễn Khánh H điều khiển xe mô tô biển số 70K8-0146 chở Q và T đi đến nhà Lê Hoàng Đăng K hỏi mượn con dao để đi chém tài xế, K đồng ý cho mượn dao tự chế bằng kim loại dài 65cm, cán dao bằng gỗ dài 25cm, dạng một lưỡi sắc bén, lưỡi dao nơi rộng nhất 07cm, nơi hẹp nhất 03cm. Su khi mượn được con dao, H điều khiển xe mô tô chở T và Q đến chợ xã BG để gặp Uôn B. Lúc này, H điều khiển xe mô tô biển số 70K8-0146 chở T, Uôn B điều khiển xe mô tô biển số 70D1-506.37 chở Q cầm theo con dao đi đến bãi xe buýt công nhân thuộc ấp

HP, xã HT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Tại đây, Uôn B thấy xe buýt biển số 70B-017.28 đang đậu trong bãi xe, nghĩ rằng tài xế đang ngủ trong nhà, Uôn B chỉ cho Q cầm dao đi vào trong bãi xe đến nơi tài xế xe buýt ngủ, B, H và T ở ngoài cảnh giới và giúp sức nếu bị đánh lại. Lúc này, khoảng 22 giờ 30 phút ngày 25/6/2023, trong nhà tại nơi nghỉ của tài xế không có anh Nguyễn Quang K, chỉ có anh Lê Long H, sinh năm 1974, ngụ khu phố 1, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và anh H Trung D, sinh năm 1981, ngụ ấp LA, xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh cũng là tài xế xe buýt công nhân đang nằm ngủ, Q cầm dao đi tới giữa 02 giường mà anh H và anh D đang ngủ, Q cầm dao bằng 2 tay chém trúng đùi trái và bàn chân phải của anh H gây thương tích, anh H tỉnh giấc la lên thì anh D cũng thức dậy, Q cầm dao bằng tay phải chém từ trên xuống trúng cánh tay phải của anh D gây thương tích. Su khi chém xong, Q, B, H và T rời đi đến chợ xã BG, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, B chụp hình con dao gửi cho S rồi tất cả đi về. Anh Lê Long H và anh H Trung D được đưa đến bệnh viện Đa K Tây Ninh cấp cứu và điều trị đến ngày 03/7/2023 ra viện.

* Kết luận giám định số: 151/KLTTCT-TTPYTN ngày 10/7/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Long H tại thời điểm giám định là: 09%.

* Kết luận giám định số: 166/KLTTCT-TTPYTN ngày 17/7/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hồ Trung D tại thời điểm giám định là: 47%.

* Kết luận giám định số: 1045/KL-KTHS ngày 10/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận về nhóm máu:

- Các vết màu nâu đỏ thu giữ tại vị trí số 01, 02, 03, 04, 06 gửi giám định là máu, thuộc máu người, nhóm máu O, cùng nhóm máu với anh Lê Long H và anh H Trung D.

- Trên con dao bằng kim loại dài 65cm, cán dao bằng gỗ dài 25cm, dạng một lưỡi sắc bén, lưỡi dao nơi rộng nhất 07cm, nơi hẹp nhất 03cm có dính máu, là máu người, không xác định được nhóm máu vì dấu vết ít.

* Kết luận giám định số: 1171/KL-KTHS ngày 07/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Xe mô tô biển số: 70K8-0146, số máy: VHU1P50FMH000444, số khung: VTEWCG014UM1004444 không bị đục xóa.

Trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Lê Văn Q đã bồi thường cho bị hại Lê Long H được 3.000.000 đồng, bị hại Lê Long H yêu cầu bồi thường thêm số tiền 170.000.000 đồng; Bị hại Hồ Trung D yêu cầu bồi thường số tiền

258.000.000 đồng, các bị cáo chưa bồi thường.

Đối với xe mô tô biển số 70D1-506.37 do Nguyễn Quốc B, sinh ngày 08/7/2008 cho Uôn B mượn, nH Nguyễn Quốc B không biết Uôn B đi gây thương tích cho người khác, xe này là của ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1986, ngụ ấp BC, xã BG, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (là cha ruột của Nguyễn Quốc B) nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý và đã trả lại cho ông Nguyễn Phú Q.

Đối với xe mô tô có gắn biển số 70K8-0146, số máy: VHU1P50FMH000444, số khung: VTEWCG014UM1004444, đã qua sử dụng do Nguyễn Khánh H điều khiển chở Lê Văn Q và Nguyễn B T là xe của bà Đặng Thị Ngọc Mỹ, sinh năm 1983, ngụ ấp BC, xã BG, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (là mẹ ruột của Nguyễn Khánh H) mua lại của người khác nH chưa Sng tên, bà M không biết H lấy xe đi gây thương tích nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bà M. Kết quả tra cứu xe mô tô biển số 70K8-0146 là do ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1960, ngụ ấp 3, xã BC, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh đứng tên chủ sở hữu đăng ký lần đầu ngày 12/4/2005, ông H hiện không có ở địa phương nên Cơ quan điều tra không làm việc được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã xử:

1.1 Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm Thị S 06 (sáu) năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.2 Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Uôn B 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.3 Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn Q 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.4 Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hoàng Đăng K từ 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Trong các ngày 26 tháng 4; 02, 03, 06 tháng 5 năm 2024, các bị cáo Lâm Thị S, Uôn B, Lê Văn Q, Lê Hoàng Đăng K và người đại diện hợp pháp của các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người đại diện của các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bào chữa cho bị cáo Uôn B, Lê Văn Q bà Trần Thị Cẩm V nêu ra các tình tiết giảm nhẹ, hai bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi; gia đình nghèo, ở biên giới; có bồi thường thiệt hại; cha mẹ ly hôn khi bị cáo Q còn nhỏ, bị cáo ở với bà nội; xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo K nêu lên các tình tiết: cha mẹ bị cáo K ly hôn, mẹ bị cáo K khắc phục hoàn T hậu quả là tình tiết mới, hai bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói Su cùng của bị cáo: bị cáo Lâm Thị S, Uôn B, Lê Văn Q, Lê Hoàng Đăng K cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như Su:

[1] Về tố tụng: Trong các ngày 26 tháng 4; 02, 03, 06 tháng 5 năm 2024, các bị cáo Lâm Thị S, Uôn B, Lê Văn Q, Lê Hoàng Đăng K và người đại diện hợp pháp của các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, qua xem xét đơn kháng cáo phù hợp với trình tự, thủ tục quy định tại Điều 333; Điều 334 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo S, B, Q, K thừa nhận T bộ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Lời nhận tội của từng bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, với nội dung truy tố của Viện Kiểm Sát; án sơ thẩm Quyết định tuyên bố các bị cáo Lâm Thị S, Uôn B, Lê Văn Q, Lê Hoàng Đăng K phạm tội “ Cố ý gây thương tích” tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo S thấy rằng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ với tài xế xe Buýt mà bị cáo S xúi giục bị cáo B và kêu bị cáo B kêu thêm hai ba người nữa gây thương tích cho tài xế xe Buýt, để tài xế không điều khiển xe được hoặc chủ xe cho đổi tài xế khác. Bị cáo S là chủ mưu, xúi giục người chưa đủ 18 tuổi phạm tội, Su khi các bị cáo gây án bị cáo S còn điện thoại kêu bị cáo B bỏ trốn,

cũng chưa khắc phục hậu quả, do đó cấp sơ thẩm xử bị cáo S 06 năm tù là hợp lý, không nặng; bị cáo S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nH không nên được tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận.

Xét kháng cáo của các bị cáo Uôn B, Q, K. Các bị cáo là đồng phạm với bị cáo S với vai trò là người giúp sức cho bị cáo S.

Bị cáo Uôn B là cháu bị cáo S, là người được bị cáo S bảo kê thêm người đánh tài xế xe Buýt; bị cáo B không từ chối mà còn điện thoại cho bị cáo Q và còn thoả thuận tiền công cho bị cáo Q 2.000.000 đồng. Bị cáo Q đồng ý và còn kêu thêm bị cáo H, bị cáo T đi đánh tài xế xe Buýt. Bị cáo Q cũng là người thực hành chém hai bị hại gây thương tích, anh H 9 %, anh D 47 %; cấp sơ thẩm xử bị cáo B, bị cáo Q mỗi bị cáo 04 năm tù là hợp lý, không nặng. Bị cáo B kháng cáo, gia đình bị cáo B nộp Biên lai thu án phí hình sự sơ thẩm 1.800.000 đồng ngày 21 tháng 6 năm 2024 và bồi thường cho anh Lê Long H, Hồ Trung D 2.000.000 đồng. Bị cáo Q kháng cáo, gia đình bị cáo Q nộp Biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm 1.600.000 đồng ngày 24 tháng 6 năm 2024. Tuy nhiên với mức án 04 năm tù là không nặng đối với bị cáo B, bị cáo Q nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, bị cáo Q.

Bị cáo K không tham gia đi chém các bị hại nH khi B hỏi mượn hàng (dao tự chế) để đi chém tài xế, bị cáo K đồng ý. Hành vi bị cáo K cho mượn dao tự chế là hung khí nguy hiểm để bị cáo Q chém hai người, cấp sơ thẩm xử bị cáo 03 năm tù là hợp lý. Bị cáo K kháng cáo và nộp biên lai khắc phục hậu quả, án phí là 8.600.000 đồng. Tuy nhiên với mức án 03 năm tù là không nặng đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lâm Thị S, Uôn B, Lê Văn Q, Lê Hoàng Đăng K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các Lâm Thị S, Uôn B, Lê Văn Q, Lê Hoàng Đăng K và người đại diện hợp pháp của các bị cáo.

Giữ nguyên bản án bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Tuyên bố các bị cáo Lâm Thị S, Uôn B, Lê Văn Q và Lê Hoàng Đăng K phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2.1 Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm Thị S 06 (sáu) năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.2 Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Uôn B 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.3 Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn Q 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.4 Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hoàng Đăng K từ 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lâm Thị S, Uôn B, Lê Văn Q, Lê Hoàng Đăng K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- Giám đốc kiểm tra (Vụ 1);
- VKSND tỉnh TN;
- Công an huyện CT;
- Phòng PV 06;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh.
- TAND huyện CT;
- Chi cục THA DS huyện CT;
- Bị cáo;
- Lưu THS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Tuấn Vũ

